

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày 09-03-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Bà Phạm Thị Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2020/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: Số 40-42-44 PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Hoàng B, sinh năm 1979

Địa chỉ: AA quốc lộ 1A, khóm 22, phường HP, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu; theo Giấy ủy quyền số 237/UQ-PGDHP ngày 09/7/2020 (có mặt).

- Đồng bị đơn: Ông Phan Văn N, sinh năm 1968 (có mặt)

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1977 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp LP, xã AP, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phan Văn G, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp LP, xã AP, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Anh G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 02 tháng 11 năm 2020 (vắng mặt).

+ Anh Phan Văn GG, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp LP, xã AP, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Anh GG đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, tại Biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 7 năm 2020 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C là ông Tạ

Hoàng B (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày: Ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S có thực hiện giao dịch vay tiền với Ngân hàng, tại Hợp đồng tín dụng số 0098/19/HĐTD/0201-6029 ngày 24/6/2019 ký giữa ông N, bà S với Ngân hàng, thì ông N và bà S vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn nuôi trồng thủy sản; giải ngân ngày 25/6/2019; thời hạn vay 12 tháng; ngày đến hạn 25/6/2020. Lãi suất trong hạn 11,5%/năm, lãi suất cho vay được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ tháng thứ 04 tính từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính như sau: Lãi suất vay bằng (=) lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cùng loại tiền đang vay, loại lãi cuối kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) biên độ 3,8%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức cho vay). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với số ngày chậm trả lãi. Phương thức thanh toán lãi trả 06 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 424, tờ bản đồ số 5, loại đất nuôi trồng thủy sản (NTS), diện tích 40788,5m² (trong đó có 923,2m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn kinh Cống Đá), địa chỉ thửa đất: ấp LP, xã AP, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 084565 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 05/11/2007 cho hộ ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị S.

Sau khi vay tiền ông N, bà S chưa thanh toán cho Ngân hàng được khoản tiền nào, kể cả tiền lãi. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu thanh toán tiền nhưng ông N và bà S không thanh toán nợ gốc và lãi. Tính đến ngày 15/6/2020 ông N và bà S nợ số tiền gốc 450.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 50.615.753 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 1.236.873 đồng, tổng cộng là 501.852.626 đồng.

Do ông N và bà S không thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng đã ký nên yêu cầu ông N và bà S trả số tiền 501.852.626 đồng, trong đó tiền gốc 450.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 50.615.753 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 1.236.873 đồng (tính đến ngày 15/6/2020) và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/6/2020 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi xuất hợp đồng đã ký. Trường hợp ông N và bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký.

Đồng bị đơn ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S thống nhất trình bày: Ông, bà có ký hợp đồng vay tài sản số 0098/19/HĐTD/0201-6029 ngày 24/6/2019 (Hợp đồng tín dụng từng lần) và Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 0098/19/HĐHM/0201-6029 ngày 24/6/2019 với Ngân hàng C vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn nuôi trồng thủy sản, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với số ngày chậm trả lãi. Phương thức thanh toán lãi trả 06 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ. Ông, bà đã nhận đủ số tiền vay 450.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay tiền nêu trên thì ông N và bà S đã thế chấp quyền sử dụng đất số AE 084565 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S ngày 05/11/2007, thửa đất số 424, tờ bản đồ số 5, diện tích 40788,5m² (trong đó có 923,2m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn kinh Cống Đá), đất tọa lạc tại ấp LP, xã AP, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chữ ký tại Hợp đồng vay tài sản số 0098/19/HĐTD/0201-6029 ngày 24/6/2019 (Hợp đồng tín dụng từng lần) và Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 0098/19/HĐHM/0201-6029 ngày 24/6/2019; giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0098/19/KUNN ngày 25/6/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0098/19/HĐTC-BDS/0201-6029 ngày 24/6/2019 và Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 25/6/2019 đúng là chữ ký của ông, bà.

Nay ông, bà thừa nhận có nợ Ngân hàng tiền vốn là 450.000.000 đồng, tiền lãi 50.615.753 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 1.236.873 đồng (tính đến ngày 15/6/2020) nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin được trả dần tiền vốn, đề nghị Ngân hàng không yêu cầu ông, bà trả tiền lãi 50.615.753 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 1.236.873 đồng vì ông, bà không có khả năng trả tiền lãi nêu trên; trường hợp ông, bà không thanh toán nợ theo yêu cầu của Ngân hàng thì cũng đồng ý Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn G trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2020 (bút lục 56-57): Anh là con của ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S, việc vay tiền là do cha mẹ anh vay, anh chỉ đứng tên trong hộ gia đình. Trường hợp ông N và bà S không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng thì anh cũng đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông N và bà S. Do anh đang chấp hành án phạt tù nên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt anh cho đến khi kết thúc vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn GG trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2020 (bút lục 74): Anh là con của ông Nh và bà S, cha mẹ anh có thế chấp quyền sử dụng đất số AE 084565 ngày 05/11/2007 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông N và bà S; quyền sử dụng đất nêu trên là của ông N và bà S nên ông N và bà S toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến đất thế chấp. Ngoài ra, anh GG có yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh cho đến khi kết thúc vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S trả cho Ngân C số tiền 501.852.626 đồng, trong đó tiền gốc 450.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 50.615.753 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 1.236.873 đồng (tính đến ngày 15/6/2020) và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/6/2020 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất hợp đồng đã ký.

- Trường hợp ông N và bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp ông N và bà S phải chịu.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông N và bà S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng C yêu cầu ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S trả tiền vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn C tranh chấp hợp đồng vay tài sản với đồng bị đơn ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S, ông N và bà S cư trú tại: Ấp LP, xã AP, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[1.3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn G và anh Phan Văn GG có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh GG và anh G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo sự thừa nhận của hai bên đương sự thì có cơ sở xác định giữa Ngân hàng C và ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị S có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0098/19/HĐTD/0201-6029 ngày 24/6/2019 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0098/19/HĐTC-BĐS/0201-6029 ngày 24/6/2019. Theo Hợp đồng nêu trên thì Ngân hàng cho ông N và bà S

vay số tiền 450,000,000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn nuôi trồng thủy sản; giải ngân ngày 25/6/2019; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất trong hạn 11,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay thời điểm phát sinh nợ quá hạn; phương thức thanh toán lãi trả 06 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.

Sau khi vay tiền thì ông N, bà S chưa thanh toán cho ngân hàng được khoản tiền nào, kể cả tiền lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại hợp đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông N và bà S đều đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc 450.000.000 đồng. Xét thấy, đây là ý kiến tự nguyện của ông Ông N và bà S phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của ông N và bà S không đồng ý trả lãi số tiền lãi trong hạn 50.615.753 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 1.236.873 đồng và có yêu cầu Ngân hàng bỏ số tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 0098/19/HĐTD/0201-6029 ngày 24/6/2019 các bên đã tự nguyện thỏa thuận lãi suất khi vay, mức lãi suất phù hợp quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng cũng không đồng ý miễn tiền lãi theo yêu cầu của ông N và bà S, do đó ông N và bà S phải có trách nhiệm trả lãi cho Ngân hàng tiền lãi trong hạn là 50.615.753 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 1.236.873 đồng. Ngoài ra, ông N và bà S còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 16/6/2020 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi xuất hợp đồng đã ký.

[2.3] Do có căn cứ xác định ông N và bà S có vay Ngân hàng C số tiền 450.000.000 đồng. Do đó, trong trường hợp ông N và bà S không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đã thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0098/19/HĐTC-BDS/0201-6029 ngày 24/6/2019 đối với quyền sử dụng đất số AE 084565 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S ngày 05/11/2007, diện tích 40788,5m² (trong đó có 923,2m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn kinh Cống Đá) tại thửa đất số 424, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp LP, xã AP, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Do có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C nên chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp số tiền 600.000 đồng ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S cùng phải chịu. Ngân hàng C đã nộp số tiền 600.000 đồng đã chi phí hết, buộc ông N và bà S phải nộp số tiền 600.000 đồng để trả lại cho C

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S phải chịu số tiền 24.074.105 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng C không phải chịu án phí. Ngân hàng C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 12.037.000 đồng theo biên lai số 0007932 ngày 07 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được nhận lại số tiền 12.037.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân C đối với ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S.

- Buộc ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S trả cho Ngân hàng C số tiền 501.852.626 đồng, trong đó tiền gốc 450.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 50.615.753 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 1.236.873 đồng (tính đến ngày 15/6/2020).

- Buộc ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S trả cho Ngân hàng C tiền lãi suất phát sinh từ ngày 16/6/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 0098/19/HĐTD/0201-6029 ngày 24/6/2019.

2. Trường hợp ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S không thanh toán nợ cho Ngân hàng C thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất diện tích 40788,5m² (trong đó có 923,2m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn kinh Công Đá), thửa đất số 424, tờ bản đồ số 5, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị S số AE 084565 ngày 05/11/2007, đất tọa lạc tại ấp LP, xã AP, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để thu hồi nợ.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp số tiền 600.000 đồng ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S phải chịu; Ngân hàng C đã nộp xong nên buộc ông N và bà S nộp số tiền 600.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng C.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị S phải chịu số tiền 24.074.105 (hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm lẻ năm) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng C không phải chịu án phí. Ngân hàng C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 12.037.000 đồng theo biên lai thu số 0007932 ngày 07/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được nhận lại 12.037.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni